

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Án số: 48 /2018/HNGĐ- ST

Ngày: 25-9-2018.

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên

Bà Nguyễn Thị Tin

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy- Thư ký Tòa án, TAND huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 140/2018/TLST- HNGĐ ngày 14/6/2018 về “ *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXX ST- HNGĐ ngày 22/ 8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST/HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1983(vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Cư trú tại: thôn D, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T2, sinh năm 1980 (Triệu tập hợp lệ lần 2 vắng mặt)
Cư trú tại: thôn Đ1, xã Đ2, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 29/5/2018, được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T1 trình bày: Chị và anh T2 kết hôn ngày 23 tháng 9 năm 2014, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ2, huyện Y. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đầu năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh T2 không chịu làm ăn, ham chơi lô đề, cờ bạc. Nhiều lần chị khuyên bảo, anh T2 không nghe. Tháng 5/2018, chị bỏ về nhà mẹ đẻ, vợ chồng chất dứt quan hệ vợ chồng và quan hệ kinh tế từ đó. Sự việc như vậy, hai gia đình có dàn xếp nhưng không có kết quả.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hoàng Gia B, sinh 14/02/2016, hiện đang ở với chị.

Nay ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi con chung, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp chị T1 xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hoàng Văn T2 là bị đơn trình bày: Về thủ tục kết hôn anh đồng ý với lời trình bày của chị T1. Anh trình bày thêm sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên cũng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nhưng lại hòa thuận. Tháng 5/2018, chị T1 đòi đi xuất khẩu lao động anh không đồng ý. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn có cãi nhau. Chị T1 xin phép về nhà bố mẹ để sống một thời gian để suy nghĩ về tình cảm vợ chồng, sau đó chị không về nữa. Từ khi chị T1 bỏ về, anh gọi chị T1 về, vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T1 không về.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T1 xin ly hôn, anh không đồng ý. Anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hoàng Gia B, sinh 14/02/2016, hiện đang ở với chị Tâm.

Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T1 nuôi con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp anh T1 xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 BLTTDS, không có mặt tại Tòa án để làm việc, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35,39,227,228,271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 51,53,56 và 58 khoản 3 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình để xử:

- Quan hệ vợ chồng: Cho chị Nguyễn Thị T1 được ly hôn anh Hoàng Văn T2.
- Giao cho chị Nguyễn Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Hoàng Gia B, sinh 14/02/2016, anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con.
- Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T1 là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa. Chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Anh Hoàng Văn T2 là bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng anh T2 vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Chị T1 và anh T2 kết hôn ngày 23 tháng 9 năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã Đ2, huyện Y là phù hợp với các Điều 8,9 luật hôn nhân và gia đình. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đầu năm 2018 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T2 không chịu làm ăn, ham chơi lô đề, cờ bạc. Vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Tháng 5/2018 chị T1 đòi đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, anh T2 không đồng ý. Chị T1 xin phép về nhà bố mẹ để sống một thời gian để suy nghĩ về tình cảm vợ chồng, sau đó không quay lại. Anh T2 gọi chị T1 về vợ chồng đoàn tụ chị không về.

Kết quả xác minh tại địa phương và gia đình cung cấp nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh T2 nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, chơi bời giao lưu với nhiều bạn xấu. Chị T1 và gia đình nhiều lần khuyên bảo, anh T2 không sửa chữa. Nhiều lần chị T1 bỏ về nhà bố mẹ để ở, nhưng sau đó vợ chồng lại đoàn tụ. Tháng 5 năm 2018 chị T1 xin phép gia đình nhà chồng cho về nhà bố mẹ để ở từ đó đến nay không về gia đình chồng. Địa phương xác định vợ chồng khó có thể đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị T1 và anh T2 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T1 đề nghị Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ. Tòa án giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng anh không có mặt, do đó việc anh T2 xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn chỉ nhằm gây khó khăn cho chị T1. Nay chị T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn là phù hợp với Điều 51, Khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hoàng Gia B, sinh 14/02/2016, hiện đang ở với chị T1. Quá trình làm việc chị T1 và anh T2 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T1 nuôi con chung, xét thấy đề nghị của chị T1 và anh T2 phù hợp khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung, riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp chị T1, và anh T2 xác định không có nay không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về Án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị T1 phải chịu án phí DSST.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Áp dụng Điều 51, 53, Khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T1 được ly hôn anh Hoàng Văn T2.

2. Về Con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Hoàng Gia B, sinh 14/02/2016.

Chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Hoàng Văn T2 có quyền thăm nom con chung

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyễn Thị T1 phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0001720 ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Chị T1 đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án./

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND(02b);
- THA;
- ĐS;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp xã Đ.

Bùi Thị Hương